Đồng nickel kẽm

NiBz12Mn5Pb (C79860)

Mã vật liệu

UNS	C79860
EN	CuNi2Mn5Pb2 (CW 407 J)
JIS	/
GB	BZn12-37-1.5

Thành phần hóa học

Cu	42.3-43.7	%
Pb	1.3-1.8	%
Ni	11.8-12.7	%
Mn	5.6-6.4	%
Zn	Còn lại	%

Tính năng

Tính năng cắt tốt với khả năng gia công tương đương 90% C36000, khả năng gia công nhiệt tốt, đặc tính rèn nóng tương đương 80% C37700, độ bền cao, độ đàn hồi cao và chống ăn mòn cao.

Ứng dụng điển hình

Sản phẩm được sử dụng rộng rãi làm đầu bút, thanh dẫn hướng và ốc vít trong ngành sản xuất bút.

Physical Properties

Mật độ[1]	8.3	g/cm³
Độ dẫn điện[1]	5	%IACS
Độ dẫn nhiệt[1]	30.1	W/(m · K)
Hệ số giãn nở nhiệt[2]	18.3	10^{-6}/K
Mô đun đàn hồi	115	GPa

Note: 1. Nhiệt độ thử nghiệm 20°C
2. Khoảng nhiệt độ thử nghiệm 20-300°C

Thuộc tính chế tạo

Gia công lạnh	Khá
Gia công nóng	Tốt
Hàn trơ	Khá
Tính năng gia công so với đồng C36000	90%

Đồng nickel kẽm

bedra
intelligent alloys

NiBz12Mn5Pb (C79860)

Tính năng gia công

Đường kính	Trạng thái	Độ bền kéo	Độ giãn dài	Độ cứng
mm		MPa min.	% min.	HV
0.5≤Φ<12	H02	550	5	140
0.5≤Φ<12	H04	650	--	170

Dung sai và phương thức vận chuyển

Đường kính	Dung sai*	Trọng lượng cuộn tiêu chuẩn	Đường kính trong cuộn
mm	mm	kg	mm
1.0<Φ≤1.6	0.03	18-30	260-300
1.6<Φ≤2.5	0.03	25-40	320-350
2.5<Φ≤4.0	0.04	30-45	370-400
2.8<Φ≤6.5	0.04	100-250	400-650
4.0<Φ≤6.5	0.05	45-60	370-400
6.5<Φ≤10.0	0.05	200-400	1000-1200
8.0<Φ≤12.0	0.06	200-400	1000-1400

Dung sai được liệt kê trong bảng được chỉ định là tất cả cộng hoặc tất cả trừ. Khi dung sai được chỉ định là cộng và trừ (±), giá trị còn lại một nửa.

*Composition	UNS
Conductivity	UNS
Tính năng gia công	Có giá trị tham khảo, đo ở nhiệt độ phòng, 68°F(20°C).
Thuộc tính chế tạo	Chỉ để tham khảo
Các tính chất vật lý khác	UNS, Tính năng gia công tham khảo.

Bảng dữ liệu này chỉ là các thông tin chung tham khảo và có thể chưa được cập nhật. Bảng không có giá trị yêu cầu bồi thường trừ khi có bằng chứng về lỗi cố ý hoặc sơ xuất cơ bản. Các thông tin đưa ra tương ứng với các tiêu chuẩn như ASTM, BS EN, JIS, RWMA và chỉ có giá trị tham khảo, không có giá trị dẫn chứng để yêu cầu bảo hành. Thông tin đưa ra không dùng để thay thế kết quả phân tích của khách hàng.